měi miào

美妙

Adjective · beautiful; splendid; wonderful

Example Sentences

zhè shǒu gē hěn měi miào
这 首 歌 很 美 妙 。

This song is wonderful.

zhè fú huà de sè cǎi dā pèi zhēn shì měi miào jué lún lìng rén zàn tàn
这幅画的色彩搭配 真 是美 妙 绝伦， 令人赞叹。

The color combination in this painting is truly splendid and admirable.

yè wǎn de xīng kōng kàn qǐ lái fēi cháng měi miào
夜晚的星 空 看起来非 常 美 妙 。

The night sky looks absolutely beautiful.

Trace each character, then write the word on your own.